

DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA SINH HỌC - CÔNG NGHỆ SINH HỌC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (CHÍNH THỨC)

HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2025-2026

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/25- 26	XL HT HK2/25- 26	XL ĐRL HK2/25- 26	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
1	22157042	Nguyễn Hoàng Phúc	11	9	9,19	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	19.662.060		19.662.060		Sinh học
2	22157043	Lê Đặng Vạn Phước	15	14	8,91	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	27.201.680		27.201.680	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	Sinh học
3	22157075	Chu Thành Tuyên	10	10	8,4	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.393.540		18.393.540		Sinh học
4	22187002	Đặng Hoàng Lan Anh	13	13	8,99	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	27.287.480		27.287.480		CNSH
5	22187008	Phạm Minh Anh	10	10	9,58	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	12.751.200		12.751.200		CNSH
6	22187064	Lê Phương Thùy Linh	10	10	9,04	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.576.560		16.576.560		CNSH
7	22187066	Nguyễn Huỳnh Hồng Mai	10	10	9,6	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	24.227.280		24.227.280		CNSH
8	22187100	Đặng Trường Sơn	17	11	8,85	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.601.280		13.601.280		CNSH
9	22187102	Nguyễn Văn Sơn	12	12	9,27	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	16.228.800		16.228.800		CNSH
10	22187107	Lương Gia Thành	12	12	8,98	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	14.876.400		14.876.400		CNSH
11	23157067	Văn Minh Thuận	16	16	8,95	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	32.064.340		32.064.340		Sinh học
12	23157077	Ngô Thanh Quyền Anh	15	15	9,28	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	30.655.900		30.655.900		Sinh học
13	23157084	Nguyễn Mai Uyên	14	14	8,73	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	26.004.660		26.004.660		Sinh học
14	23187026	Trần Gia Bảo	12	12	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.038.720		25.038.720		CNSH
15	23187030	Hồ Thảo Ngọc	15	15	9,34	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	32.515.560		32.515.560		CNSH
16	23187085	Nguyễn Thế Phong	15	15	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	33.384.960		33.384.960		CNSH
17	23187121	Lê Thanh Vân	17	17	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	37.326.240		37.326.240		CNSH
18	23187138	Lê Đăng Khoa	13	13	9,23	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	26.565.000		26.565.000		CNSH
19	24157032	Trần Gia Mẫn	18	18	8,38	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	26.356.000		26.356.000		Sinh học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/25- 26	XL HT HK2/25- 26	XL ĐRL HK2/25- 26	LOẠI HỌC BÔNG	MỨC HỌC BÔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
20	24157046	Nguyễn Bảo Long	15	15	8,37	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	22.550.440		22.550.440		Sinh học
21	24157078	Nguyễn Hồng Đăng	18	18	8,79	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	26.356.000		26.356.000		Sinh học
22	24187001	Huỳnh Uyên Giang	16	16	8,97	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	24.362.800	16.611.000	7.751.800	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	CNSH
23	24187008	Bùi Lâm Trúc Đào	13	13	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.404.480		22.404.480		CNSH
24	24187009	Nguyễn Minh Đức	18	16	8,9	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	24.362.800		24.362.800		CNSH
25	24187033	Phạm Ngọc Hương Thảo	13	13	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.404.480		22.404.480		CNSH
26	24187034	Lê Nguyễn Anh Thư	16	16	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.577.600		26.577.600		CNSH
27	24187037	Huỳnh Thị Hương Trà	13	13	8,85	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	20.537.440		20.537.440		CNSH
28	24187103	Vũ Thiện Dương	16	16	8,9	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	24.362.800		24.362.800		CNSH
29	24187146	Trương Thị Anh Thư	13	13	8,93	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	20.537.440		20.537.440		CNSH
30	25157001	Đặng Tiến Thịnh	15	13	8,22	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	17.261.860		17.261.860		Sinh học
31	25157032	Phạm Anh Thư	15	13	8,68	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	17.261.860	15.692.600	1.569.260	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	Sinh học
32	25157051	Trần Gia Hân	15	13	8,25	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	17.261.860	15.692.600	1.569.260	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	Sinh học
33	25157064	Nguyễn Văn Nghĩa	15	13	8,18	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.769.060		16.769.060		Sinh học
34	25157065	Hồ Lê Bảo Nguyên	15	13	8,28	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	17.261.860		17.261.860		Sinh học
35	25157067	Nguyễn Bá Quý	15	13	8,38	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	17.261.860		17.261.860		Sinh học
36	25157076	Trần Phước Trung	15	13	8,66	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	17.261.860		17.261.860		Sinh học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/25- 26	XL HT HK2/25- 26	XL ĐRL HK2/25- 26	LOẠI HỌC BÔNG	MỨC HỌC BÔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
37	25187001	Phan Lê Anh Kiệt	15	13	8,87	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	16.838.360	7.653.800	9.184.560	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	CNSH
38	25187003	Lưu Gia Cần	15	13	8,98	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	16.838.360		16.838.360		CNSH
39	25187029	Đỗ Đăng Khoa	15	13	8,88	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	16.838.360		16.838.360		CNSH
40	25187107	Trần Minh Phúc	15	13	9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.369.120		18.369.120		CNSH
41	25187117	Lê Lý Gia Văn	15	13	8,84	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	16.838.360		16.838.360		CNSH
42	25187122	Huỳnh Nguyễn Phúc Thảo	15	13	8,98	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	16.838.360		16.838.360		CNSH
43	25187139	Nguyễn Thái Hoàng Nhân	15	13	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.906.720		18.906.720		CNSH
44	25187141	Nguyễn Như Phụng	15	13	8,79	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.838.360		16.838.360		CNSH
45	25187145	Võ Nguyễn Mỹ Tiên	15	13	8,85	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	16.838.360		16.838.360		CNSH